

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Lâm nghiệp;

Chuyên ngành: Lâm học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN ĐỨC KIÊN

2. Ngày tháng năm sinh: 07/10/1974 ; Nam ☒; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Liên Châu, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 503, nhà D, khu đô thị Nghĩa Đô - Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

Nguyễn Đức Kiên

Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp, số 46 đường Đức Thắng, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0916453458;

E-mail: nguyenduckieniftib@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 1/1999 đến 3/2003: Nghiên cứu viên tại Trung tâm nghiên cứu giống cây rừng, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

Từ 4/2003 đến 12/2012: Nghiên cứu viên, giữ chức vụ Phó Phòng nghiên cứu giống tại Trung tâm nghiên cứu giống cây rừng, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

Từ 1/2013 đến 3/2013: Nghiên cứu viên chính, Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

Từ 3/2013 đến 3/2017: Nghiên cứu viên chính, giữ chức vụ Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

Từ 4/2017 đến 6/2018: Nghiên cứu viên chính, giữ chức vụ Phó Viện trưởng phụ trách Viện, Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

Từ 1/7/2018 đến nay: Nghiên cứu viên chính, giữ chức vụ Viện trưởng Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

Chức vụ: Hiện nay: Viện trưởng Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp - Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: số 46 đường Đức Thắng, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: +84 24 38389813;

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học:

- 1) Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
- 2) Trường Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội
- 3) Trường Đại học Tây Bắc
- 4) Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 5 năm 1997; số văn bằng: 00967; ngành: Lâm nghiệp, chuyên ngành: Lâm nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 01 năm 2003; số văn bằng:; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Di truyền học lâm nghiệp; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học khoa học nông nghiệp Thụy Điển, Uppsala, Thụy Điển

- Được cấp bằng TS ngày 01 tháng 10 năm 2009; số văn bằng:; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Sinh học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học khoa học nông nghiệp Thụy Điển, Uppsala, Thụy Điển

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Lâm nghiệp

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- (i) Cải thiện giống các loài cây trồng rừng chủ lực;
- (ii) Chọn giống và bảo tồn nguồn gen các loài cây bản địa;
- (iii) Chọn tạo giống các loài cây lâm sản ngoài gỗ;

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **04** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn **02** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **05** đề tài cấp Bộ (vai trò: Chủ nhiệm), **13** đề tài cấp Bộ (vai trò: Thành viên chính) và **01** đề tài cấp cơ sở (vai trò: Chủ nhiệm). Hiện nay ứng viên đang chủ nhiệm **01** đề tài cấp Bộ;
- Đã công bố **73** bài báo khoa học, trong đó **18** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp **01** bằng độc quyền giải pháp hữu ích (vai trò: Đồng tác giả);
- Số lượng sách đã xuất bản **04** (vai trò: Đồng tác giả), trong đó **04** sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Đã được công nhận **01** Tiến bộ kỹ thuật (vai trò: Tác giả chính) và **02** Tiến bộ kỹ thuật (vai trò: Đồng tác giả);
- Đã chủ trì hoặc tham gia chọn tạo được **99** giống các loài keo, bạch đàn và Mắc ca được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận. Trong đó **02** giống Bạch đàn lai UP35 và UP54 đã được trao giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam năm 2018 (theo Quyết định số 4264/QĐ-BNN-TCCB ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc tặng Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam” năm 2018). Bên cạnh đó, ứng viên cũng đã chủ trì hoặc tham gia công nhận mở rộng vùng trồng cho **28** giống keo lai, Keo lá tràm, bạch đàn lai và Mắc ca.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giải thưởng Bông lúa vàng năm 2018;
- Chiến sỹ thi đua cơ sở từ năm 2017 - 2020;
- Chiến sỹ thi đua cấp Bộ năm 2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên tự nhận thấy bản thân đáp ứng tốt các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo và đạo đức nghề nghiệp của một người giảng viên trong các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Là một giảng viên thỉnh giảng, từ năm 2012 đến nay, ứng viên đã tham gia đào tạo và nghiên cứu khoa học trên các phương diện sau:

- Giảng dạy ở bậc đại học và hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên: Các môn học ứng viên đã giảng dạy cho sinh viên gồm: (1) Thống kê toán học trong lâm nghiệp, (2) Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành, (3) Môi trường và phát triển lâm nghiệp, (4) Hướng dẫn thực tập (cho sinh viên trường Đại học khoa học tự nhiên-Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Tây Bắc). Cho đến nay, ứng viên đã hướng dẫn cho 02 sinh viên hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

- Giảng dạy ở bậc sau đại học, hướng dẫn học viên cao học làm luận văn thạc sĩ và hướng dẫn nghiên cứu sinh: Ứng viên đã tham gia giảng dạy các môn học: (1) Công nghệ sinh học trong lâm nghiệp, (2) Đa dạng và bảo tồn, (3) Cải thiện giống cây rừng, (4) Công nghệ tế bào thực vật, (5) Di truyền học nâng cao, (6) Chọn giống cây rừng nâng cao, (7) Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu, (8) Di truyền học thực vật, (9) Trồng rừng thâm canh. Ứng viên đã hướng dẫn 04 NCS bảo vệ thành công luận án TS; hiện tại, ứng viên đang hướng dẫn 03 NCS làm luận án TS (trong đó NCS Giang Thị Thanh đã bảo vệ xong luận án TS cấp cơ sở ngày 17/01/2025). Ứng viên đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ.

- Ứng viên là thành viên Tổ soạn thảo chương trình đào tạo Tiến sĩ tại cơ sở đào tạo Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (Quyết định 229/QĐ-KHLN-ĐTHT ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam về việc thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo Tiến sĩ).

- Ứng viên đã hoàn thành 05 đề tài cấp Bộ (vai trò: Chủ nhiệm), 13 đề tài cấp Bộ (vai trò: Thành viên chính) và 01 đề tài cấp cơ sở (vai trò: Chủ nhiệm). Hiện nay, ứng viên đang chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ.

- Ứng viên đã công bố 73 bài báo khoa học, trong đó 18 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín.

- Ứng viên là tác giả của 01 Tiến bộ kỹ thuật; là đồng tác giả của 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích và 02 Tiến bộ kỹ thuật.

- Ứng viên đã chủ trì hoặc tham gia chọn tạo được 99 giống các loài keo, bạch đàn và Mắc ca được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận. Trong đó 02 giống Bạch đàn lai UP35 và UP54 đã được trao giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam năm 2018 (theo Quyết định số 4264/QĐ-BNN-TCCB ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc tặng Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam” năm 2018). Bên cạnh đó, ứng viên cũng đã chủ trì hoặc tham gia công nhận mở rộng vùng trồng cho 28 giống keo lai, Keo lá tràm, bạch đàn lai và Mắc ca.

- Ứng viên đã tham gia viết 03 sách tham khảo cho Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (xuất bản năm 2011 và 2023) và 01 sách tham khảo bằng tiếng Anh cho tổ chức ACIAR (xuất bản năm 2015).

Đối chiếu với các tiêu chuẩn hiện hành, tôi thấy mình đã đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ hoặc luận án TS ☒ , hoặc TSKH ; tại nước: Thụy Điển năm 2002 (ThS) và 2009 (TS).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Học và viết, bảo vệ luận văn Thạc sĩ và luận án Tiến sĩ bằng tiếng anh tại trường Đại học khoa học nông nghiệp Thụy Điển (Uppsala, Thụy Điển). Bằng tốt nghiệp Thạc sĩ (năm 2002) và Tiến sĩ (năm 2009) của ứng viên do trường Đại học khoa học nông nghiệp Thụy Điển cấp.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Hữu Biên	✓			✓	12/2012-11/2014	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	02/12/2016
2	Nguyễn Hữu Sỹ	✓		✓		12/2013-12/2017	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	02/12/2021
3	Trần Đức Vượng	✓		✓		7/2017-7/2021	Viện Khoa học Lâm	12/04/2024

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
							ng nghiệp Việt Nam	
4	Phạm Thu Hà	✓		✓		12/2017- 12/2018	Viện Khoa học Lâm ng nghiệp Việt Nam	28/11/2022
8	Kiều Thị Hà		✓	✓		5/2018- 12/2018	Trường Đại học Lâm ng nghiệp	15/1/2019
9	Ngô Văn Chính		✓		✓	1/2023- 6/2023	Trường Đại học Lâm ng nghiệp	12/3/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Chọn tạo giống và nhân giống cho một số loài cây trồng rừng chủ yếu (tập 3)	TK	NXB Nông ng nghiệp, năm 2011	6		5-20, 69-98	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
2	Chọn tạo giống và nhân giống cho một số loài cây trồng rừng chủ yếu (tập 4)	TK	NXB Nông ng nghiệp, năm 2011	3		12- 60	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
3	Planted teak: global production and markets, with reference to Solomon Islands	TK	Australian Centre for International Agricultural Research (ACIAR), 2015 ISBN 1 925133 46 2 (print) ISBN 978 1 925133 47 9 (PDF)	6		43-46	

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
4	Kết quả nghiên cứu chọn tạo giống các loài cây trồng rừng chủ lực giai đoạn 2012-2022	TK	NXB Nông nghiệp, năm 2023	3		11-40, 105- 125, 151-170	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS:

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1.	Nghiên cứu chọn, nhân giống và kỹ thuật gây trồng Giới xanh và Re gừng (ĐT)	CN	Bộ NN&PTNT	2008-2012	27/5/2013 Xếp loại đạt
2.	Nghiên cứu cải thiện giống nhằm tăng năng suất, chất lượng cho một số loài cây trồng rừng chủ lực (ĐT)	Thành viên chính	Bộ NN&PTNT	2006-2010	01/03/2011 Xếp loại đạt
II	Sau khi được công nhận TS				
3.	Nghiên cứu chọn tạo giống Bạch đàn lai mới giữa Bạch đàn pellita và các giống bạch đàn khác (ĐT)	CN	Bộ NN&PTNT	2011-2015	27/5/2016 Xếp loại đạt
4.	Khảo nghiệm giống và đánh giá khả năng phát triển cây Macadamia tại Việt Nam (giai đoạn 3: 2011-2015) (ĐT)	CN	Bộ NN&PTNT	2011-2015	26/5/2016 Xếp loại đạt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
5.	Nghiên cứu ứng dụng lai tạo, tuyển chọn và nhân giống cây keo có chu kỳ ngắn, sinh khối lớn, chống chịu bệnh đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu phục vụ nhà máy giấy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (ĐT)	CN	ĐT.13-2015 Đề tài cấp tỉnh (tỉnh Tuyên Quang)	2016-2018	25/12/2018 Xếp loại xuất sắc
6.	Nghiên cứu chọn tạo giống Keo lai và Keo lá tràm phục vụ trồng rừng gỗ lớn ở một số vùng sinh thái chính (ĐT)	CN	Bộ NN&PTNT	2017-2022	8/3/2023 Xếp loại đạt
7.	Nghiên cứu chọn giống cho năng suất, chất lượng hạt cao và giải pháp phòng trừ sâu, bệnh hại Macadamia (ĐT)	CN	Bộ NN&PTNT	2020-2024	23/01/2025 Xếp loại đạt
8.	Nghiên cứu nhân nhanh một số giống Keo và Bạch đàn mới bằng công nghệ tế bào thực vật (ĐT)	Thành viên chính	Nhà nước	2012-2014	19/9/2015 Xếp loại đạt
9.	Nghiên cứu cải thiện giống nhằm tăng năng suất, chất lượng cho một số loài cây trồng rừng chủ lực (giai đoạn 3: 2011-2015) (ĐT)	Thành viên chính	Bộ NN&PTNT	2011-2015	27/5/2016 Xếp loại đạt
10.	Nghiên cứu chọn và nhân giống Keo lá liềm (<i>Acacia crassicaarpa</i>) và Keo tai tượng (<i>Acacia mangium</i>) phục vụ trồng rừng kinh tế (ĐT)	Thành viên chính	Bộ NN & PTNT	2011-2015	31/05/2016 Xếp loại đạt
11.	Nghiên cứu chọn tạo giống keo lai sinh trưởng nhanh bằng chỉ thị phân tử (ĐT)	Thành viên chính	Nhà nước	2012-2016	03/05/2017 Xếp loại đạt
12.	Bảo tồn nguồn gen cây rừng (ĐT)	Thành viên chính	Bộ NN & PTNT	2017	24/12/2017 Xếp loại đạt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
13.	Nghiên cứu chọn tạo giống Keo tam bội sinh trưởng nhanh phục vụ trồng rừng gỗ lớn (ĐT)	Thành viên chính	01-2014/HĐ-KHCN-CNSH Quốc gia	2015-2019	24/09/2020 Xếp loại đạt
14.	Nghiên cứu chọn tạo giống Keo lai sinh trưởng nhanh bằng chỉ thị phân tử (giai đoạn 2) (ĐT)	Thành viên chính	01-2017/HĐ-KHCN-CNSH Quốc gia	2018-2020	25/12/2020 Xếp loại đạt
15.	Nghiên cứu tạo giống Bạch đàn lai biến đổi gen cho chiều dài sợi gỗ (giai đoạn 2) (ĐT)	Thành viên chính	04-2016/HĐ-KHCN-CNSH	2017-2020	25/12/2020 Xếp loại đạt
16.	Nghiên cứu chọn giống Keo tai tượng có năng suất cao chống chịu bệnh mục ruột phục vụ trồng rừng gỗ lớn cho vùng Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ (ĐT)	Thành viên chính	Bộ NN & PTNT	2016-2020	29/4/2021 Xếp loại đạt
17.	Nghiên cứu chọn giống Thông caribê (<i>Pinus caribaea</i> Morelet) cung cấp gỗ lớn cho vùng Bắc Trung Bộ và Đông Bắc Bộ (ĐT)	Thành viên chính	Bộ NN & PTNT	2016-2020	29/04/2021 Xếp loại đạt
18.	Bảo tồn nguồn gen cây rừng (ĐT)	Thành viên chính	Bộ NN&PTNT	2021	21/12/2021 Xếp loại đạt
19.	Nghiên cứu chọn giống bạch đàn để trồng rừng gỗ lớn cho vùng cao Tây Bắc (ĐT)	Thành viên chính	Bộ NN&PTNT	2019-2023	01/02/2024 Xếp loại đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
A Tạp chí khoa học quốc tế								
1.	Genetic variation in wood basic density and pilodyn penetration and their relationships with growth, stem straightness, and branch size for <i>Eucalyptus urophylla</i> in northern Vietnam	5	✓	New Zealand Journal of Forestry Science	Scopus (SJR ₂₀₀₈ = 0,242; Q2)	39	38(1): 160-175	1/2008
2.	Genetic control of growth and form in <i>Eucalyptus urophylla</i> in northern Vietnam	4	✓	Journal of Tropical Forest Science	Scopus (SJR ₂₀₀₉ = 0,232; Q2)	44	21(1): 50-65	1/2009
3.	Cellulose content as a selection trait in breeding for kraft pulp yield in <i>Eucalyptus urophylla</i>	6	✓	Annals of Forest Science	Scopus (SJR ₂₀₀₉ = 0,975; Q1)	33	66(7): 711p1-711p8	10/2009
B Tạp chí khoa học trong nước								
4.	Nghiên cứu biến dị về hàm lượng xenlulose của các gia đình và xuất xứ bạch đàn urô (<i>Eucalyptus urophylla</i>) làm cơ sở cho cải thiện giống theo hiệu suất bột giấy	5	✓	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			1/2009: 860-864	2009
5.	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất kích thích Gibberelline GA 4/7 tới sự ra hoa của vườn giống Thông nhựa	3		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			1/2009: 846-853	2009

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
6.	Kết quả đánh giá sinh trưởng của Giới xanh và Re gừng trên các mô hình rừng trồng	2	✓	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			4/2009: 1077-1081	2009
C	Kỹ yếu hội thảo, hội nghị: Không							
II	Sau khi được công nhận TS							
A	Tạp chí quốc tế uy tín (SCIE/Scopus)							
	<i>Tạp chí quốc tế uy tín (ứng viên là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ)</i>							
7.	Clonal variation and genotype by environment interaction in growth and wood density in <i>Eucalyptus camaldulensis</i> at three contrasting sites in Vietnam (DOI: 10.1515/sg-2010-0003)	4	✓	Silvae Genetica	Scopus (SJR ₂₀₁₀ = 0,488, Q2)	31	59(1): 17-28	12/2010
8.	Growth and wood basic density of acacia hybrid clones at three locations in Vietnam (DOI: 10.1007/s11056-011-9263-y)	6	✓	New Forests	Scopus (SJR ₂₀₁₂ = 0,685, Q1)	68	43(1): 13-29	1/2012
9.	Timber Demand and Supply in Northwest Vietnam: The Roles of Natural Forests and Planted Trees (https://doi.org/10.1007/s11842-016-9343-0)	2	✓	Small scale forestry	Scopus (SJR ₂₀₁₇ = 0,491; Q2)	26	16: 65-82	3/2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
10.	Genetic control of traits relevant to solid-wood use in <i>Eucalyptus pellita</i> (https://doi.org/10.26525/jtfs2024.36.4.424)	2	✓	Journal of Tropical Forest Science	SCIE (IF ₂₀₂₄ = 0,8; Q3)	-	36(4): 424-433	11/2024
	<i>Tạp chí quốc tế uy tín (từng viên là đồng tác giả)</i>							
11.	Relationship of wood composition to growth traits of selected open-pollinated families of <i>Eucalyptus urophylla</i> from a progeny trial in Vietnam (DOI: 10.1007/s11056-009-9172-5)	6		New Forests	Scopus (SJR ₂₀₁₀ = 0,635; Q1)	17	39(3): 301-312	5/2010
12.	Variation in seed traits and oil content in 24 <i>Jatropha curcas</i> L. seed sources from Asia, Africa and Papua New Guinea (DOI: 10.1515/sg-2013-0031)	4		Silvae Genetica	Scopus (SJR ₂₀₁₃ = 0,212; Q3)	1	62(6): 257-264	12/2013
13.	Acacia plantations in Vietnam: research and knowledge application to secure a sustainable future (https://doi.org/10.2989/20702620.2014.999301)	3		Southern Forests	Scopus (SJR ₂₀₁₅ = 0,395; Q2)	115	77(1): 1-10	1/2015
14.	Evaluating approaches for developing elite acacia hybrid clones in Vietnam: towards an updated strategy	6		Journal of Tropical Forest Science	Scopus (SJR ₂₀₁₈ = 0,279; Q3)	12	30 (ann.iss): 476-487	10/2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	(DOI: 10.26525/jtfs2018.30.5.476487)							
15.	Reduced fertility in triploids of <i>Acacia auriculiformis</i> and its hybrid with <i>A. mangium</i> (https://doi.org/10.1007/s10681-018-2157-8)	7		Euphytica	Scopus (SJR ₂₀₁₈ = 0,734; Q2)	8	214(4): 77p1-77p14	3/2018
16.	Comparing wood density, heartwood proportion and bark thickness of diploid and triploid acacia hybrid clones in Vietnam (https://doi.org/10.26525/jtfs32.2.206)	5		Journal of Tropical Forest Science	Scopus (SJR ₂₀₂₀ = 0,297; Q3)	11	32(2): 206-216	4/2020
17.	Tolerance of Acacia populations following inoculation with the Ceratocystis canker and wilt pathogen in Vietnam (https://doi.org/10.1007/s11295-020-01470-y)	7		Tree Genetics and Genome	Scopus (SJR ₂₀₂₀ = 0,735; Q1)	9	16: 77p1-77p9	10/2020
18.	Breeding Polyploid Varieties of Acacia: Reproductive and Early Growth Characteristics of the Allotetraploid Hybrid (<i>Acacia mangium</i> × <i>A. auriculiformis</i>) in Comparison with Diploid Progenitors (DOI: 10.3390/f12060778)	9		Forests	Scopus (SJR ₂₀₂₁ = 0,623; Q1)	4	12(6): 778p1-778p14	6/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
19.	Profitable partnerships: smallholders, industry, eucalypts and acacias in Asia (DOI: 10.1080/00049158.2022.2051261)	6		Australian Forestry	Scopus (SJR ₂₀₂₂ =0,425; Q2)	13	85(1): 1-16	4/2022
20.	<i>Zeuzera multistrigata</i> Moore (Lepidoptera: Cossidae) damaging three new host plants in Vietnam (DOI: 10.37828/em.2024.77.20)	5		Ecologica Montenegrina	Scopus (SJR ₂₀₂₄ =0,357; Q2)	2	77: 200-210	8/2024
21.	How important are provenance and pedigree in later cycles of tree breeding? an example using <i>Acacia auriculiformis</i> (DOI: 10.1007/s10681-025-03519-2)	4		Euphytica	Scopus (SJR ₂₀₂₄ =0,432; Q2)		221(5): 70p1-21	4/2025
B	Tạp chí khoa học trong nước							
22.	Biến dị di truyền về sinh trưởng của Bạch đàn pellita ở miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên	6	✓	Tạp chí khoa học lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			Số đặc biệt/2010: 1412-1421	2010
23.	Biến dị di truyền về sinh trưởng, tỷ trọng gỗ và hàm lượng xenlulose của Bạch đàn uro ở miền Bắc Việt Nam	6	✓	Tạp chí khoa học lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			Số đặc biệt/2010: 1405-1411	2010
24.	Sinh trưởng của các dòng vô tính Bạch đàn uro và Bạch đàn lai UP	7		Tạp chí khoa học lâm nghiệp			Số đặc biệt/2010: 1422-1430	2010

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tập chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tập chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, QJ)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
25.	Nghiên cứu cải thiện giống Keo tai tượng làm gỗ xẻ	3		Tập chí Nông nghiệp và PTNT ISSN: 1859-4581			18/2012: 85-90	2012
26.	Chọn lọc dòng vô tính bạch đàn uro và bạch đàn lai UP (<i>E. wrophylla</i> x <i>E. pellita</i>) có sinh trưởng nhanh cho trồng rừng ở miền Bắc và Bắc Trung Bộ	6		Tập chí nông nghiệp và PTNT ISSN: 1859-4581			Chuyên đề giống cây trồng vật nuôi, tập 1. Tháng 6/2012: 132-140	2012
27.	Kết quả đánh giá khả năng thích nghi và năng suất qua các dòng <i>Macadamia</i> ở vùng Tây Bắc Việt Nam	5	✓	Tập chí khoa học lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			4/2013: 2998-2999	2013
28.	Nghiên cứu biến dị và khả năng di truyền về sinh trưởng của bạch đàn <i>pelita</i> tại Bầu Bàng, Bình Dương	4		Tập chí khoa học lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			4/2014: 3499-3507	2014
29.	Biến dị và thông số di truyền của các dòng vô tính Keo lai mới chọn lọc tại khảo nghiệm đồng vô tính ở Yên Thế, Bắc Giang	6		Tập chí khoa học lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			4/2016: 4593-4602	2016
30.	Công tác chọn, tạo giống cây rừng phát triển lâm nghiệp ở các tỉnh phía Nam	3	✓	Tập chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			Số đặc biệt/2017: 16-27	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
31.	Đánh giá sinh trưởng của các giống tiến bộ kỹ thuật bạch đàn lai UP (<i>Eucalyptus urophylla</i> x <i>Eucalyptus pellita</i>) và bạch đàn uro tại vùng Bắc Trung bộ và Tây Bắc bộ	5		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			14/2018: 106-110	2018
32.	Tăng thu di truyền thực tế của giống Keo tai tượng được chọn lọc so với giống nguyên sản và đại trà tại vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ	4		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			1/2018: 36-42	2018
33.	Đánh giá khả năng sinh trưởng của một số giống bạch đàn lai (<i>Eucalyptus urophylla</i> x <i>Eucalyptus pellita</i>) mới được công nhận tại một số mô hình rừng trồng	5		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			3/2018: 31-39	2018
34.	Nghiên cứu tái sinh cây bạch đàn lai UP (<i>Eucalyptus urophylla</i> x <i>Eucalyptus pellita</i>) thông qua phôi soma phục vụ cho chuyển gen	10		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			1/2019: 27-36	2019
35.	Nghiên cứu chuyển gen EcHB1 làm tăng chiều dài sợi gỗ cho dòng bạch đàn lai UP thông qua <i>Agrobacterium tumefaciens</i>	11		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			1/2019: 37-47	2019
36.	Sinh trưởng và một số tính chất gỗ của bạch đàn lai giữa Bạch đàn uro với các loài bạch đàn	7		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp			2/2020: 32-39	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	khắc trong khảo nghiệm tổ hợp lai tại Ba Vì			ISSN: 1859-0373				
37.	Đánh giá tính chống chịu bệnh chết héo của các giống keo lai, Keo lá tràm và Keo tai tượng bằng nhiễm bệnh nhân tạo ở vườn ươm	12		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			6/2020: 101-110	2020
38.	Tăng thu di truyền thực tế của các giống Keo tai tượng (<i>Acacia mangium</i>) và sinh trưởng của các dòng vô tính Keo lá tràm (<i>Acacia auriculiformis</i>) tại Quảng Ninh	9		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			1/2020: 108-113	2020
39.	Biến dị di truyền về khối lượng riêng và độ co rút gỗ của Bạch đàn urô trong vườn giống thế hệ 2	8		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			10/2020: 117-125	2020
40.	So sánh một số đặc điểm hình thái của cây bạch đàn lai UP (<i>E. urophylla</i> x <i>E. pellita</i>) chuyển gen ECHB1 và cây đối chứng	8		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			12/2020: 113-119	2020
41.	Đánh giá sinh trưởng của các giống bạch đàn lai UP (<i>Eucalyptus urophylla</i> x <i>Eucalyptus pellita</i>) và bạch đàn lai PB (<i>Eucalyptus urophylla</i> x <i>Eucalyptus brassiana</i>) trong khảo nghiệm mở rộng tại Yên Bình, Yên Bái và Hữu Lũng Lạng Sơn	9		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			22/2020: 143-148	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
42.	Đánh giá sinh trưởng, chất lượng thân cây của khảo nghiệm hậu thể Thông caribê (<i>Pinus caribaea</i> Morelet) tại Ba Vì, Hà Nội	8		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			24/2020: 105-112	2020
43.	Nghiên cứu nhân giống các dòng keo lai năng suất cao BV376, BV586, BB055 bằng phương pháp nuôi cấy mô	11		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			3/2021: 22-32	2021
44.	Đánh giá khả năng sinh trưởng và chiều dài sợi gỗ của một số dòng bạch đàn lai chuyển gen EcHB1.	11		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			4/2021: 4-12	2021
45.	Biến dị về sinh trưởng, sản lượng và chất lượng hạt mắc ca (<i>Macadamia</i>) khảo nghiệm tại Thạch Thành, Thanh Hóa	4		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			5/2021: 47-54	2021
46.	Đánh giá sinh trưởng của các dòng vô tính Keo lá tràm (<i>Acacia auriculiformis</i>) trong khảo nghiệm mở rộng tại Cam Lộ, Quảng Trị	9		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			2/2021: 126-130	2021
47.	Nghiên cứu đặc điểm chất lượng hạt và nhân của các dòng vô tính mắc ca tại huyện Krông Năng, Đắk Lắk	8	✓	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			11/2021: 35-40	2021
48.	Biến dị về sinh trưởng và sản lượng hạt của các dòng vô tính Mắc ca	3		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			19/2021: 116-124	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	(Macadamia) tại Hòa Bình và Lai Châu			ISSN: 1859-4581				
49.	Sinh trưởng các dòng Keo lai (<i>Acacia hybrid</i>) trong khảo nghiệm dòng vô tính tại Ba Vì, Hà Nội và Cam Lộ, Quảng Trị.	3		Tạp chí khoa học và công nghệ Lâm nghiệp ISSN: 1859-3828			4/2021: 58-65	2021
50.	Nghiên cứu chọn giống keo lai mới sinh trưởng nhanh phục vụ trồng rừng ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.	3	✓	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			4/2022: 5-11	2022
51.	Sinh trưởng các dòng keo lai tự nhiên (<i>Acacia mangium</i> × <i>A. auriculiformis</i>) mới chọn lọc tại Định Quán, Đồng Nai	4		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			5/2022: 44-52	2022
52.	Nghiên cứu chọn lọc dòng vô tính Keo lá tràm sinh trưởng nhanh cho vùng Đông Nam Bộ	3	✓	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			6/2022: 5-12	2022
53.	Nghiên cứu đa dạng di truyền các biến chủng thông Caribe được trồng tại Việt Nam bằng chỉ thị SSR	8		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			6/2022: 13-21	2022
54.	Nghiên cứu chọn giống Bạch đàn lai mới sinh trưởng nhanh phục vụ trồng rừng gỗ lớn tại Thuận Châu, Sơn La	8		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			6/2022: 51-59	2022
55.	Nghiên cứu liên kết trên toàn hệ gen (GWAS) về khả năng chống chịu ở	3		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển			Tháng 10/2022:	2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Keo lai với bệnh chết héo do nấm <i>Ceratocystis</i>			nông thôn ISSN: 1859-4581			80-90	
56.	Sinh trưởng và sản lượng hạt của các dòng Macca ở giai đoạn sau 10 năm tuổi tại Tây Nguyên	2	✓	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			18/2022: 39-43	2022
57.	Đa dạng di truyền một số rừng giống thông caribe ở Việt Nam	3		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			19/2022: 113-120	2022
58.	Nghiên cứu chọn lọc dòng vô tính bạch đàn lai sinh trưởng nhanh tại Mường Ảng, Điện Biên	4	✓	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			3/2023: 3-11	2023
59.	Nghiên cứu chọn lọc giống keo sinh trưởng nhanh và chống chịu bệnh chết héo tại Lương Sơn, Hòa Bình	3	✓	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			4/2023: 3-9	2023
60.	Nghiên cứu chọn lọc giống bạch đàn lai cho trồng rừng tại vùng Lương Sơn, Hòa Bình	3		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			3/2023: 12-17	2023
61.	Nghiên cứu kỹ thuật nhân giống Thủy tùng (<i>Glyptostrobus pensilis</i> (Staunton Ex D. Don) K. Koch) bằng phương pháp ghép trên rễ thờ tại Đắk Lắk, Việt Nam	11		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			4/2023: 10-17	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
62.	Đánh giá sinh trưởng của các dòng keo lai tam bội trong khảo nghiệm tại Đông Bắc Bộ và Đông Nam Bộ	4	✓	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			Số đặc biệt Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lĩnh vực lâm nghiệp. Tháng 10/2023: 5-14	2023
63.	Nghiên cứu khảo nghiệm mở rộng vùng trồng các giống bạch đàn cung cấp gỗ lớn cho vùng Đông Bắc Bộ	6	✓	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			Số đặc biệt Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lĩnh vực lâm nghiệp. Tháng 10/2023: 15-26	2023
64.	Nghiên cứu chọn giống keo lai sinh trưởng nhanh cho vùng Bắc Trung Bộ	3	✓	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			Số chuyên san 2023: 16-24	2023
65.	Biến dị, khả năng di truyền về sinh trưởng và chất lượng thân cây Keo lá tràm trong khảo nghiệm hậu thế thế hệ 2 tại Cam Lộ, Quảng Trị	7		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			Số chuyên san 2023: 25-33	2023
66.	Đánh giá đa dạng di truyền nguồn gen cây Thủy tùng (<i>Glyptostrobus pensilis</i> (Staunton ex D.Don) K.	10		Tạp chí khoa học lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			4/2024: 4-14	2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Koch) sử dụng chỉ thị ISSR							
67.	Khả năng sinh trưởng của keo lai tam bội trong khảo nghiệm đồng vô tính tại Bắc Giang và Quảng Trị	6		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			4/2024: 15-26	2024
68.	Nghiên cứu ảnh hưởng của xử lý thực bì và bón phân đến sinh trưởng rừng trồng bạch đàn lai ở vùng cao Sơn La	5		Tạp chí khoa học lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			4/2024: 79-84	2024
69.	Đánh giá mức độ đa dạng di truyền vườn giống bạch đàn pellita (<i>E. pellita</i> F. Muell) tại Việt Nam bằng chỉ thị vi vệ tinh	3		Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			5/2024: 3-11	2024
70.	Nghiên cứu hoàn thiện kỹ thuật nhân giống Thủy tùng (<i>Glyptostrobus pensilis</i>) bằng phương pháp giâm hom	5		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			18/2024	9/2024
71.	Nghiên cứu tuyển chọn cây trội Cẩm xe (<i>Xylia xylocarpa</i> (Roxb.) Taub.) tại một số tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên	6		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			22/2024: 80-92	11/2024
72.	Sinh trưởng của các giống keo lai mới (<i>Acacia mangium</i> x <i>A. auriculiformis</i>) trong các khảo nghiệm mở rộng tại vùng Đông Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	7		Tạp chí khoa học lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			2/2025: 39-47	2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
73.	Đặc điểm phân bố, tái sinh và chọn lọc cây trội Cà ổi lá đỏ tại khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé, Điện Biên	6	✓	Tạp chí khoa học lâm nghiệp ISSN: 1859-0373			2/2025:48-55	2025
C	Kỹ yếu hội thảo, hội nghị							
	<i>Kỹ yếu hội thảo, hội nghị quốc tế</i>							
74.	Acacia as national resource of Vietnam	6	✓	International conference IUFRO Working party 2.08.07: Genetics and Silviculture of Acacia, 2014, Hue, Vietnam				2014
75.	Vietnam's acacia breeding strategy	7		International conference IUFRO Working party 2.08.07: Genetics and Silviculture of Acacia, 2014, Hue, Vietnam				2014
76.	Genetic Improvement of <i>Eucalyptus pellita</i> : Integrating Growth and Wood quality	3		IUFRO Eucalyptus Conference 2015: Scientific Cultivation and Green Development to Enhance				2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				the Sustainability of Eucalypt Plantations, China, 2015				
77.	Keeping in touch with the family - the importance of pedigree tracking for later generation breeding programme management: the example of <i>Acacia auriculiformis</i> in Vietnam	4		IUFRO – INAFOR International Conference 2017: Promoting Sustainable Resources from Plantations for Economic Growth and Community Benefits, Indonesia, 2017				2017
Kỷ yếu hội thảo, hội nghị trong nước								
78.	Nghiên cứu chọn tạo giống có năng suất và chất lượng cao cho một số loài cây trồng rừng chủ yếu giai đoạn 2001-2005	6		Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ lâm nghiệp khu vực phía bắc			34-53	10/2009
79.	Một số thành tựu chính về cải thiện giống phục vụ trồng rừng tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên	6		Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ lâm nghiệp miền Trung			9-19	2012
80.	Nghiên cứu cải thiện giống nhằm tăng năng	6		Kỷ yếu hội nghị khoa			35-45	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	suất, chất lượng cho một số loài cây trồng rừng chủ lực			học và công nghệ chuyên ngành lâm nghiệp giai đoạn 2013-2018 ISBN: 978-604-973-173-0				
81.	Nghiên cứu chọn tạo giống bạch đàn lai mới giữa bạch đàn pellita và các loài bạch đàn khác	4	✓	Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ chuyên ngành lâm nghiệp giai đoạn 2013-2018 ISBN: 978-604-973-173-0			63-73	2018
82.	Một số kết quả bước đầu trong nghiên cứu chọn tạo giống keo tam bội cho hai loài: Keo tai tượng và Keo lá tràm	8		Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ chuyên ngành lâm nghiệp giai đoạn 2013-2018 ISBN: 978-604-973-173-0			74-83	2018
83.	Nghiên cứu tạo giống bạch đàn lai biến đổi gen cho chiều dài sợi gỗ ở Việt Nam	3		Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ chuyên ngành lâm nghiệp giai			84-95	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				đoạn 2013-2018 ISBN: 978-604-973-173-0				
84.	Khảo nghiệm giống và đánh giá khả năng phát triển cây mắc ca ở Việt Nam	6	✓	Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ chuyên ngành lâm nghiệp giai đoạn 2013-2018 ISBN: 978-604-973-173-0			105-112	2018
85.	Kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ lĩnh vực giống giai đoạn 2020-2023 và định hướng 2023-2030	1	✓	Kỷ yếu hội nghị khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lĩnh vực lâm nghiệp ISBN: 978-604-60-3831-3			31-45	2023
86.	Nghiên cứu chọn giống keo lai và keo lá tràm phục vụ trồng rừng gỗ lớn ở một số vùng sinh thái chính	14	✓	Kỷ yếu hội nghị khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lĩnh vực lâm nghiệp ISBN: 978-604-60-3831-3			69-89	2023
87.	Nghiên cứu chọn tạo giống keo tam bội sinh	15		Kỷ yếu hội nghị khoa			90-103	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	trường nhanh phục vụ trồng rừng gỗ lớn			học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lĩnh vực lâm nghiệp ISBN: 978-604-60-3831-3				
88.	Nghiên cứu chọn tạo giống keo lai sinh trưởng nhanh bằng chỉ thị phân tử	6		Kỹ yếu hội nghị khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lĩnh vực lâm nghiệp ISBN: 978-604-60-3831-3			104-114	2023
89.	Nghiên cứu chọn tạo giống bạch đàn chuyển gen cho chiều dài sợi gỗ	7		Kỹ yếu hội nghị khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lĩnh vực lâm nghiệp ISBN: 978-604-60-3831-3			115-123	2023
90.	Kết quả bước đầu trong nghiên cứu chọn giống Thông caribê (<i>Pinus caribaea</i> Morelet) cung cấp gỗ lớn cho vùng Bắc Trung Bộ và Đông Bắc Bộ	15		Kỹ yếu hội nghị khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lĩnh vực lâm nghiệp ISBN: 978-604-60-3831-3			141-157	2023

- Trong đó: **04** bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau khi ứng viên được cấp bằng tiến sĩ là bài số [7], [8], [9], [10], cụ thể như sau:

(7) N. D. **Kien**[✉], G. Jansson, C. Harwood, C. Almqvist (2010). Clonal variation and genotype by environment interaction in growth and wood density in *Eucalyptus camaldulensis* at three contrasting sites in Vietnam. *Silvae Genetica*, 59(1):17-28. <https://doi.org/10.1515/sg-2010-0003>. SCIE (IF₂₀₁₀ = 0,689, Q3).

(8) Le Dinh Kha, Chris E. Harwood, **Nguyen Duc Kien**[✉], Brian S. Baltunis, Nguyen Dinh Hai, Ha Huy Thinh (2012). Growth and wood basic density of acacia hybrid clones at three locations in Vietnam. *New Forests*, 43(1): 13-29. <https://doi.org/10.1007/s11056-011-9263-y>. SCIE (IF₂₀₁₂ = 1,636, Q2).

(9) **Nguyen Duc Kien**[✉], Chris Harwood (2017). Timber Demand and Supply in Northwest Vietnam: The Roles of Natural Forests and Planted Trees. *Small scale forestry*, 16: 65-82. <https://doi.org/10.1007/s11842-016-9343-0>. SCIE (IF₂₀₁₇ = 1,103; Q2).

(10) **Kien ND**[✉], Bien TH (2024). Genetic control of traits relevant to solid-wood use in *Eucalyptus pellita*. *Journal of Tropical Forest Science*, 36(4): 424-433. <https://doi.org/10.26525/jtfs2024.36.4.424>. SCIE (IF₂₀₂₄ = 0,6; Q3).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
I	Bảng độc quyền giải pháp hữu ích				
1.	Cấu trúc biểu hiện mang gen ECHB1 và vi khuẩn <i>Agrobacterium tumefaciens</i> chứa cấu trúc biểu hiện này	Cục sở hữu trí tuệ	19/12/2023	Đồng tác giả	7
II	Tiến bộ kỹ thuật				
1.	Kỹ thuật nhân giống cây Mắc ca (<i>Macadamia integrifolia</i>) bằng phương pháp ghép	Bộ NN&PTNT	28/6/2018	Tác giả chính	7

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
2.	Một số biện pháp kỹ thuật thâm canh các giống Mắc ca (OC, 246, 816, Daddow và 842) tại vùng Tây Bắc	Bộ NN&PTNT	22/4/2021	Đồng tác giả	7
3.	Quy trình quản lý tổng hợp bệnh xì mù và bộ xít muối gây hại trên cây mắc ca	Bộ NN&PTNT	09/1/2025	Đồng tác giả	12
III Công nhận giống					
1.	11 giống Keo lá tràm: Clt7, Clt171, Clt 1F, Clt18, Clt26, Clt43, Clt19, Clt57, Clt64, Clt98, Clt133	Bộ NN&PTNT	QĐ số 2763/QĐ-BNN-LN ngày 1/10/2009	Đồng tác giả	8
2.	04 giống bạch đàn camal: C9, C159, BV22, C55	Bộ NN&PTNT	QĐ số 2763/QĐ-BNN-LN ngày 1/10/2009	Đồng tác giả	8
3.	02 giống Keo lá tràm: Clt1E, Clt26	Bộ NN&PTNT	QĐ 3453/QĐ-BNN-TCLN ngày 23/12/2010	Đồng tác giả	10
4.	02 giống Keo lá tràm: Clt1C, Clt25	Bộ NN&PTNT	QĐ 3453/QĐ-BNN-TCLN ngày 23/12/2010	Đồng tác giả	7
5.	02 giống Bạch đàn lai: UP35, UP54	Bộ NN&PTNT	QĐ 65/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/01/2013	Đồng tác giả	7
6.	04 giống bạch đàn lai: UP72, UP95, UP97, UP99	Bộ NN&PTNT	QĐ 65/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/01/2013	Đồng tác giả	5
7.	02 giống Bạch đàn urô: U892, U1088	Bộ NN&PTNT	QĐ 65/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/01/2013	Đồng tác giả	7
8.	03 giống Bạch đàn urô: U821, U416, U262	Bộ NN&PTNT	QĐ 65/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/01/2013	Đồng tác giả	5
9.	07 giống Bạch đàn lai: UP153, UP164, UP171,	Bộ NN&PTNT	QĐ 3893/QĐ-	Đồng tác giả	4

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
	UP180, UP190, UP223, UP236		BNN-TCLN ngày 20/09/2016		
10.	06 giống Bạch đàn lai: PB7, PB48, PB55, PB68BB, PB69BB, PB75BB	Bộ NN&PTNT	QĐ 3893/QĐ-BNN-TCLN ngày 20/09/2016	Tác giả chính	5
11.	07 gia đình Keo tai tượng: AM35, AM37, AM81, AM88, AM110, AM127, AM135	Bộ NN&PTNT	QĐ 3893/QĐ-BNN-TCLN ngày 20/09/2016	Đồng tác giả	4
12.	11 gia đình Keo lá liềm: AC13, AC25, AC34, AC45, AC73, AC9, AC20, AC32, AC40, AC61, AC71	Bộ NN&PTNT	QĐ 3893/QĐ-BNN-TCLN ngày 20/09/2016	Đồng tác giả	4
13.	7 giống keo lai BV376, BV586, BB055, BV523, BV584, BV434, BV350	Bộ NN&PTNT	QĐ 761/QĐ-BNN-TCLN ngày 06/03/2019	Đồng tác giả	8
14.	01 xuất xứ Keo tai tượng: xuất xứ Balimo	Bộ NN&PTNT	QĐ 761/QĐ-BNN-TCLN ngày 06/03/2019	Đồng tác giả	7
15.	03 giống Mắc ca: A38, A16, QN1	Bộ NN&PTNT	QĐ 761/QĐ-BNN-TCLN ngày 06/03/2019	Tác giả chính	4
16.	04 giống Bạch đàn lai mở rộng vùng trồng: UP54, UP72, UP95, UP99	Bộ NN&PTNT	QĐ 761/QĐ-BNN-TCLN ngày 06/03/2019	Đồng tác giả	7
17.	04 giống keo lai tam bội: X101, X102, X201, X205	Bộ NN&PTNT	QĐ 1458/QĐ-BNN-TCLN ngày 20/04/2020	Đồng tác giả	9
18.	05 giống keo lai mở rộng vùng trồng: AH1, BV71, BV73, BV75, TB11; và 03 giống Keo lá tràm: Clt26,	Bộ NN&PTNT	QĐ 1458/QĐ-BNN-TCLN ngày 20/04/2020	Đồng tác giả	9

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
	Cl157, Cl198 và 01 xuất xứ Keo tai tượng				
19.	03 giống Keo lá tràm: Cl126, Cl157, Cl198 và 01 xuất xứ Keo tai tượng: xuất xứ Balimo mở rộng vùng trồng	Bộ NN&PTNT	QĐ 1458/QĐ-BNN-TCLN ngày 20/04/2020	Đồng tác giả	9
20.	03 giống Keo lá tràm mở rộng vùng trồng: Cl118, Cl126, Cl198	Bộ NN&PTNT	QĐ 1814/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/04/2021	Đồng tác giả	7
21.	09 giống Bạch đàn lai mở rộng vùng trồng: UP54, UP35, UP97, PB7, PB48, UP164, UP171, UP223, DH-32-29	Bộ NN&PTNT	QĐ 105/QĐ-TCLN-PTR ngày 18/04/2022	Đồng tác giả	9
22.	01 giống keo lai: BV97	Bộ NN&PTNT	QĐ 273/QĐ-TCLN-PTR ngày 26/10/2022	Tác giả chính	7
23.	08 giống keo lai: BV102, BV110, BV333, BV334, BV340, BV518, BV566, BB001	Bộ NN&PTNT	QĐ 273/QĐ-TCLN-PTR ngày 26/10/2022	Tác giả chính	6
24.	01 giống keo lai: BV133	Bộ NN&PTNT	QĐ 273/QĐ-TCLN-PTR ngày 26/10/2022	Tác giả chính	7
25.	03 giống Keo lá tràm: LT35, LT70, LT74	Bộ NN&PTNT	QĐ 273/QĐ-TCLN-PTR ngày 26/10/2022	Tác giả chính	8
26.	01 giống Mắc ca 856	Bộ NN&PTNT	QĐ 273/QĐ-TCLN-PTR ngày 26/10/2022	Tác giả chính	3
27.	02 giống keo lá tràm: LT70, LT156	Bộ NN&PTNT	QĐ 13/QĐ-TCLN-PTR ngày 02/02/2023	Tác giả chính	8

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
28.	06 giống bạch đàn lai: UP434, UP435, UG123, UG111, UG107, UG113	Bộ NN&PTNT	QĐ 439/QĐ-TCLN-PTR ngày 21/12/2023	Đồng tác giả	11
29.	03 giống bạch đàn lai mở rộng vùng trồng UP72, UP164, UP99	Bộ NN&PTNT	QĐ 439/QĐ-TCLN-PTR ngày 21/12/2023	Đồng tác giả	11
30.	03 giống Mắc ca mở rộng vùng trồng: A38, 856, QN1	Bộ NN&PTNT	QĐ 291/QĐ-TCLN-PTR ngày 18/10/2024	Tác giả chính	3
31.	04 giống keo lai mở rộng vùng trồng: BV376, BV586, BV523, BV584	Bộ NN&PTNT	QĐ 381/QĐ-LN-PTR ngày 12/12/2024	Đồng tác giả	7
32.	02 giống keo lai: BV611, BV604	Bộ NN&PTNT	QĐ 382/QĐ-LN-PTR ngày 12/12/2024	Đồng tác giả	7
33.	01 giống keo lai: BV645	Bộ NN&PTNT	QĐ 382/QĐ-LN-PTR ngày 12/12/2024	Đồng tác giả	9
IV Bảng bảo hộ giống					
1.	Bảng bảo hộ giống keo lai BB055 số 01.VN.2024	Cục trồng trọt	01/QĐ-TT-VPBH	Tác giả chính	7
2.	Bảng bảo hộ giống keo lai BV350 số 02.VN.2024	Cục trồng trọt	02/QĐ-TT-VPBH	Tác giả chính	7
3.	Bảng bảo hộ giống keo lai BV376 số 03.VN.2024	Cục trồng trọt	03/QĐ-TT-VPBH	Tác giả chính	7
4.	Bảng bảo hộ giống keo lai B434 số 04.VN.2024	Cục trồng trọt	04/QĐ-TT-VPBH	Tác giả chính	7
5.	Bảng bảo hộ giống keo lai BV523 số 05.VN.2024	Cục trồng trọt	05/QĐ-TT-VPBH	Tác giả chính	7
6.	Bảng bảo hộ giống keo lai BV584 số 06.VN.2024	Cục trồng trọt	06/QĐ-TT-VPBH	Tác giả chính	7
7.	Bảng bảo hộ giống keo lai BV586 số 07.VN.2024	Cục trồng trọt	17/QĐ-TT-VPBH	Tác giả chính	7

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
8.	Bằng bảo hộ giống keo lai tam bội X101 số 123.VN.2024	Cục trồng trọt	411/QĐ-TT-VPBH	Đồng tác giả	9
9.	Bằng bảo hộ giống keo lai tam bội X102 số 122.VN.2024	Cục trồng trọt	414/QĐ-TT-VPBH	Đồng tác giả	9
10.	Bằng bảo hộ giống keo lai tam bội X201 số 121.VN.2024	Cục trồng trọt	412/QĐ-TT-VPBH	Đồng tác giả	9
11.	Bằng bảo hộ giống keo lai tam bội X205 số 120.VN.2024	Cục trồng trọt	413/QĐ-TT-VPBH	Đồng tác giả	9

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): **Không**

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: **Không**

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: **Không**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 ☐ HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng
ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Đức Kiên